

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2018

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh và Ông Phạm Ngạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án thụ lý số 95/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Xóm X, xã L, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Đình H trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị L có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Hương Khê, trên cơ sở tự do, tự nguyện của hai người. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xóm X, xã L, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Tình cảm vợ chồng hòa thuận được 6 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là vợ bỏ đi về nhà ngoại ở, mặc dù đã được anh em nội ngoại, bà con làng xóm hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh làm đơn xin ly hôn với chị Trần Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Đình Việt T, sinh ngày 11/01/2010 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/7/2013 hiện đang sống cùng với chị L ở nhà ngoại. Nay ly hôn anh H nhường cho chị L được quyền trực tiếp nuôi hai con đến khi hai con đủ 18 tuổi và anh sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi cháu là 1.500.000đ

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn chị Trần Thị L tại bản tự khai ngày 07/02/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Chị thống nhất với anh H về thời gian, điều kiện kết hôn và chung sống của hai người. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh H không có trách nhiệm với vợ con, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Nay anh H làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung đúng như anh H trình bày. Chị đồng ý nhận trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi cháu là 1.500.000đ như ý kiến của anh H.

Về tài sản chung: Việc anh H cho rằng vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết là không đúng. Vì vợ chồng có những tài sản chung gồm: 01 mảnh vườn diện tích 9.900m² cùng với cây keo, cây ăn quả; 01 xe ô tô biển Lào biển kiểm soát UN - 2999; 01 xe máy Air Blade; 01 tivi; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 máy lọc nước; 02 cái quạt; 02 cái giường; 01 cái tủ đồ. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

- Cháu Nguyễn Đình Việt T có ý kiến trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được sống với mẹ là Trần Thị L.

- Ý kiến của vị đại diện VKSND huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật TTDS, chưa chấp hành đầy đủ các thông báo của Tòa án. Cụ thể phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào ngày 06/02/2018 vắng mặt bị đơn chị L; đến phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai vào ngày 16/3/2018 nguyên đơn và bị đơn đã có mặt, nhưng phiên họp hòa giải lần thứ ba vào ngày 14/5/2018 cả nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do.

Về hôn nhân, anh H và chị L trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng đã đồng ý thuận tình ly hôn do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận

tình ly hôn giữa anh H và chị L, xử cho anh H được ly hôn với chị L. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh H và chị L giao hai cháu Nguyễn Đình Việt T và Nguyễn Thị Trà M cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi cháu là 1.500.000đ.

Bị đơn chị L có đơn yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng, Tòa án đã ra thông báo cho chị L về nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, chi phí tố tụng khác nhưng chị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo thông báo của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 146; điểm d khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đơn yêu cầu chia tài sản của chị L.

Về án phí buộc nguyên đơn anh Nguyễn Đình H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 150.000đ án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Anh Nguyễn Đình H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị L có địa chỉ cư trú tại thị trấn H, huyện Hương Khê. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị L trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Hương Khê theo Giấy đăng ký kết hôn số 04 ngày 29/01/2009, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa anh H có yêu cầu xin ly hôn với chị L và chị L đồng ý thuận tình ly hôn với anh H. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh H và chị L.

[3] Về con chung: Anh H và chị L có hai con chung là cháu Nguyễn Đình Việt T, sinh ngày 11/01/2010 và cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03/7/2013. Anh H và chị L đều thống nhất giao cho chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung của vợ chồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, anh H cấp dưỡng hàng tháng mỗi cháu 1.500.000đ. Ý kiến của cháu Nguyễn Đình Việt T nếu bố mẹ ly hôn có nguyện vọng là muốn được ở cùng với mẹ. Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao hai con chung cho chị L là người trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi cháu là 1.500.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 10/3/2018 bị đơn chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Ngay sau khi nhận được đơn yêu cầu của chị L thì Tòa án đã thông báo cho chị L nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng chi phí tố tụng và tổng đạt cho chị L theo đúng quy định. Nhưng chị L đã không thực hiện thực hiện đúng nội dung ghi trong thông báo và từ khi nhận được thông báo đến nay cũng không có mặt tại Tòa để trình bày rõ lý do. Tại phiên tòa chị L trình bày lý do trong quá trình giải quyết vụ án chị không thực hiện đúng theo thông báo đã nhận là do tại thời điểm đó con chị bị ốm chị chưa có điều kiện để thực hiện. Xét thấy bị đơn không nộp tiền tạm ứng án phí mà không có đơn kèm tài liệu trình bày rõ lý do chính đáng cho Tòa án xem xét. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 146; điểm d khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đơn yêu cầu chia tài sản của bị đơn chị L. Chị L có quyền yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn trong vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Đình H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 của Bộ luật TTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 146; điểm d khoản 1 Điều 192; khoản 2 Điều 195; Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 57; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị L, xử cho anh H được ly hôn với chị L.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đình Việt T, sinh ngày 11 tháng 01 năm 2010 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 03 tháng 7 năm 2013 cho chị Trần Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con là 1.500.000đ kể từ tháng 7 năm 2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở; đồng thời anh H không được

làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết đơn yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn chị L. Chị L có quyền yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn trong vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đình H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 150.000đ án phí cấp dưỡng. Anh H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0004128 ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự huyện Hương Khê. Nay còn phải nộp 150.000đ án phí cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đình H và chị Trần Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND thị trấn H;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- Lưu HS, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng